

ĐỀ CƯƠNG

**Báo cáo tổng kết việc thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW, ngày 03/01/2014
của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai
và kiểm soát việc kê khai tài sản**
(Kèm theo Công văn số -CV/TU, ngày.../3/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 33-CT/TW

1. Khái quát đặc điểm, tình hình

Khái quát đặc điểm, tình hình thuận lợi, khó khăn của cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan trực tiếp đến việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản (viết tắt là Chỉ thị số 33-CT/TW) và các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW

2.1. Công tác phổ biến, quán triệt Chỉ thị số 33-CT/TW

- Các hình thức được cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị triển khai phổ biến, quán triệt (*thông qua hội nghị, các phương tiện thông tin đại chúng, phát hành tài liệu, tổ chức các lớp tập huấn ...*); số lượng các cuộc quán triệt; số tài liệu được phát hành;

- Số lượng cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức tham gia học tập, quán triệt;

- Đánh giá kết quả phổ biến, quán triệt (*nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và của cơ quan, tổ chức, đơn vị, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị đối với nội dung, tinh thần Chỉ thị về việc kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập*).

2.2. Kết quả ban hành các văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW

- Các văn bản do cấp ủy, tổ chức đảng (đảng đoàn, ban cán sự đảng), chính quyền các cấp, ban, ngành ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu cho cơ quan có thẩm quyền ban hành và các văn bản của các cơ quan chức năng ban hành để lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Nêu số lượng và tên các văn bản ban hành.

- Đánh giá chất lượng của các văn bản được ban hành (*bao gồm cả văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng và văn bản triển khai thực hiện của chính quyền*).

2.3. Việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra việc thực hiện quy định của Đảng và Nhà nước về kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập

2.4. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xử lý những cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân chậm tổ chức việc kê khai, không kê khai, kê khai không trung thực, không

giải trình được nguồn gốc tài sản tăng thêm; không tổ chức việc công khai bản kê khai; không chủ động xác minh hoặc không xử lý kịp thời những vi phạm quy định về kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập (kết quả xử lý vi phạm của cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu).

2.5. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong việc thực hiện kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập.

3. Kết quả thực hiện việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập

3.1. Kết quả kê khai tài sản, thu nhập

- Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tổ chức kê khai.
- Tổng số người phải kê khai.
- Số người đã thực hiện kê khai... (đạt... %).
- Số người chậm thực hiện kê khai... (chiếm... %); lý do.

Đánh giá ưu điểm, kết quả đạt được.

3.2. Kết quả công khai bản kê khai

- Số bản kê khai được công khai bằng hình thức niêm yết.
- Số bản kê khai được công khai bằng hình thức công bố tại cuộc họp.
- Số bản kê khai chưa được công khai; lý do.
- Số chi ủy tổ chức công khai bản kê khai tài sản trong sinh hoạt chi bộ.
- Số cấp ủy tổ chức công khai bản kê khai tài sản trong sinh hoạt cấp ủy.

Đánh giá ưu điểm, kết quả đạt được.

3.3. Kết quả kiểm tra, xác minh tài sản, thu nhập

- Số người được xác minh do có đơn tố cáo kê khai tài sản không trung thực trong việc kê khai;
- Số người được xác minh để có thông tin phục vụ việc bầu cử, bổ nhiệm, bãi nhiệm hoặc kỷ luật;
- Số người được kiểm tra, xác minh khi có căn cứ cho rằng việc giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm không hợp lý;
- Số người được kiểm tra, xác minh khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

Đánh giá ưu điểm, kết quả đạt được.

3.4. Kết quả kiểm tra, giám sát, thanh tra việc thực hiện quy định của Đảng và Nhà nước về kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập; kết quả phát hiện, xử lý vi phạm quy định về kê khai và công khai bản kê khai tài sản, thu nhập

(1) Việc tổ chức kiểm tra, giám sát, thanh tra việc thực hiện quy định của Đảng và Nhà nước về kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập (tổng số cuộc kiểm tra, giám sát, thanh tra/tổng số kết luận/cấp kiểm tra, giám sát, thanh tra/đối tượng kiểm tra, giám sát, thanh tra)

Đánh giá ưu điểm, kết quả đạt được.

(2) Kết quả phát hiện, xử lý vi phạm quy định về kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập

- Số cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân bị xử lý do chậm tổ chức việc kê khai; hình thức xử lý.

- Số cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân bị xử lý do không tổ chức việc công khai bản kê khai; hình thức xử lý.

- Số người bị xử lý do kê khai tài sản không trung thực; hình thức xử lý.

- Số người bị xử lý do không giải trình được nguồn gốc tài sản tăng thêm; hình thức xử lý.

Đánh giá ưu điểm, kết quả đạt được.

3.5. Việc xây dựng và hoàn thiện quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập

- Việc xây dựng các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản (theo chức năng, nhiệm vụ).

- Việc xây dựng cơ sở dữ liệu về tài sản của người có chức vụ, quyền hạn.

- Việc kiểm soát thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn.

- Việc cụ thể hóa các nội dung về minh bạch tài sản.

- Việc áp dụng các biện pháp hỗ trợ công tác kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập, hạn chế chi tiêu bằng tiền mặt.

Đánh giá ưu điểm, kết quả đạt được.

Chú ý liên hệ đánh giá việc thực hiện những nội dung nêu trên được đề cập tại Quy định số 85-QĐ/TW, ngày 23/5/2017 và Điều 3 Quy định số 56-QĐ/TW, ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị; Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; Nghị định số 130/NĐ-CP, ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

4. Việc thực hiện chế độ báo cáo

Việc thực hiện thời hạn gửi báo cáo đối với cấp trên, cơ quan có thẩm quyền theo quy định; chất lượng báo cáo.

II. HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc

- Trong lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt Chỉ thị số 33-CT/TW.

- Trong cụ thể hóa, ban hành văn bản, triển khai thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW.
- Trong thực hiện việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập theo Chỉ thị số 33-CT/TW và các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước có liên quan.
- Trong việc kiểm soát tài sản, thu nhập đối với những người có chức vụ, quyền hạn theo quy định hiện hành.
- Hạn chế, khó khăn, vướng mắc khác (nếu có).

2. Nguyên nhân của hạn chế, khó khăn, vướng mắc

- Nguyên nhân khách quan:
 - + Từ cơ chế, chính sách (*nêu rõ những vướng mắc, bất cập trong các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản, kể cả Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018. Cụ thể: Về đối tượng có nghĩa vụ kê khai; về phạm vi kê khai; về hình thức công khai; về quản lý, khai thác, sử dụng bản kê khai; về xử lý hành vi kê khai tài sản, thu nhập không trung thực, giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm không trung thực; xử lý tài sản tăng thêm không giải trình được hợp lý về nguồn gốc,...*);
 - + Các nguyên nhân khác.
- Nguyên nhân chủ quan:
 - + Từ nhận thức của cấp ủy đảng, chính quyền, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, những người có chức vụ, quyền hạn trong việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập;
 - + Các nguyên nhân khác.
- Xác định nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tồn tại, hạn chế.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

- Đánh giá khái quát về ưu điểm, kết quả đạt được trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan; trong thực hiện những công việc mà Chỉ thị số 33-CT/TW đã nêu, cũng như kết quả thực hiện các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến việc kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập và việc kiểm soát tài sản, thu nhập của những người có chức vụ, quyền hạn; việc khắc phục những hạn chế được nêu trong Chỉ thị số 33-CT/TW.
- Đánh giá những khuyết điểm, hạn chế chủ yếu trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện những công việc mà Chỉ thị số 33-CT/TW đã nêu, cũng như các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về vấn đề này, nhất là tính hiệu quả của việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập (*việc kê khai có mang tính hình thức không; đã kiểm soát được tài sản của đối tượng thuộc diện kê khai chưa? việc xử lý tài sản tăng thêm không giải trình được hợp lý về nguồn gốc như thế nào..?*).
- Những bài học kinh nghiệm trong tổ chức thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ NÂNG CAO HIỆU QUẢ CỦA VIỆC KÊ KHAI VÀ KIỂM SOÁT VIỆC KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

1. Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp

- Những phương hướng, nhiệm vụ giải pháp nhằm phát huy ưu điểm, khắc phục những khuyết điểm, hạn chế trong việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập thời gian qua tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Những giải pháp nhằm kiểm soát chặt chẽ tài sản, thu nhập của những người trong diện kê khai.

2. Đề xuất, kiến nghị

2.1. Những nội dung cần sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện về chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với vấn đề kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập; những giải pháp để kiểm tra chặt chẽ tài sản, thu nhập; công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra; xử lý vi phạm..., nhất là việc xử lý tài sản tăng thêm không giải trình được hợp lý về nguồn gốc.

2.2. Đối với Chỉ thị số 33-CT/TW, có cần ra Chỉ thị mới của Bộ Chính trị để lãnh đạo, chỉ đạo đối với vấn đề kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập; kiểm soát chặt chẽ tài sản, thu nhập đối với người thuộc diện phải kê khai, hay ban hành Kết luận của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW.

2.3. Các đề xuất kiến nghị cụ thể khác.

Ghi chú: Thời điểm lấy số liệu báo cáo: Từ 03/01/2014 đến 30/3/2023.